

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/DS-ST

Ngày: 18-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Luân
- Bà Thạch Thị Lan Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số F, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị Minh T, sinh năm 1986; chị Đinh Thị Mai T1, sinh năm 1991; chị Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1992; anh Đinh Văn T2, sinh năm 1994; chị Đinh Thị Tú A, sinh năm 2001. Cùng địa chỉ: Số F đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà O có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày: Bà và ông Đinh Văn T3 là vợ chồng, ông T3 đã chết ngày 15/11/2018. Ngày 29/01/2018 bà Nguyễn Thị L có vay của vợ chồng bà số tiền 30.000.000đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày vay bà L sẽ phải trả nhưng sau đó bà L chưa trả cho vợ chồng bà thì ngày 06/9/2018 bà Liên tiếp vay của vợ chồng bà số tiền 20.000.000đồng, thời hạn vay là ngày 20/9/2018 sẽ trả, trong cả hai giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 2.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ khi vay đến nay bà L không trả cho bà khoản gốc cũng như không trả cho bà tiền lãi nào. Nay ông T3 chồng bà đã mất, bố mẹ ruột của ông T3 cũng đã mất trước ông T3, ông T3 không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, giữa bà và ông T3 có 05 người con chung, các con của bà và ông T3 đồng ý cho bà toàn quyền quyết định đối với số tiền trên và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đồng, lãi theo mức 1,5%/1 tháng kể từ ngày vay của mỗi khoản vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, bà O không còn yêu cầu nào khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án ngày 19/12/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây bà L có vay tiền của ông T3 (chồng bà O) số tiền 30.000.000đồng, vay đáo hạn 05 ngày sau đó bà đã trả, ông T3 là người đếm tiền, bà đã bảo ông T3 kêu bà O ra chứng kiến. Sau đó bà có đòi lấy giấy ghi nợ nhưng ông Tân O1 kiểm giấy chưa ra, ông T3 có ghi vào cuốn sổ khác là cô L đã trả tiền nợ theo giấy hẹn, ông T3 nói tìm được thì xóa sổ cho nhưng do sơ xuất bà nghĩ đã trả và có sự chứng kiến của hai vợ chồng ông T3 bà O1 nên đến nay chưa lấy lại giấy vay. Nay bà O1 cho rằng bà chưa trả và khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền trên thì bà không đồng ý. Tính bà rất nóng nên bà không muốn gặp bà O1 tại Tòa án tránh sự xô sát tại Tòa. Bà đã trả nợ rồi bà không vay thêm lần nào nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh T, chị Đinh Thị Mai T1, chị Đinh Thị Thu Y, anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị Tú A cùng có ý kiến như sau: Các anh chị đều thống nhất với lời khai của bà O1, không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Đồng thời, cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các anh chị.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà **O1** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị L** phải trả cho bà **O1** số tiền gốc là 50.000.000đồng, đối với tiền lãi bà **O1** thay đổi yêu cầu bà **L** phải trả theo mức lãi suất 0,83%/ tháng của từng khoản vay kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Còn bị đơn bà **L** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề, nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **O1**, buộc bà **Nguyễn Thị L** phải có trách nhiệm trả cho bà **O1** số tiền gốc là 50.000.000đồng, lãi suất theo mức 0,83%/ 1 tháng kể từ ngày vi phạm của từng khoản vay cho đến ngày xét xử, tính thành tiền là 30.627.000đồng, tổng cộng đề nghị buộc bà **L** phải có trách nhiệm trả cho bà **O1** số tiền 80.627.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Bà **O1** tự nguyện nhận chịu chi phí giám định nên ghi nhận sự tự nguyện của bà **O1**.

Về án phí: Đề nghị buộc bà **Nguyễn Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng; toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà **O1** cho rằng ngày 29/01/2018 vợ chồng bà có cho bà **L** vay số tiền là 30.000.000đồng, ngày 06/9/2018 vợ chồng bà tiếp tục cho bà **L** vay thêm 20.000.000đồng, cả hai khoản vay trên đều đã quá thời hạn trả nợ đã lâu nhưng từ khi vay, bà **L** không trả cho bà tiền gốc cũng như không trả lãi, bà đã đòi nhiều lần nhưng không được nên bà khởi kiện yêu cầu bà **L** phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đồng, tiền lãi theo mức 1,5%/ 1 tháng kể từ ngày vay của từng khoản vay cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Còn bà **L** xác định chỉ vay của

ông T3 30.000.000đồng nhưng sau đó đã trả hết nên bà L không đồng ý trả cho bà O1 nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà L cư trú tại **tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 29/01/2018 giữa ông T3, bà O1 và bà L có thỏa thuận ông T3, bà O1 cho bà L vay 30.000.000đồng, ngày 06/9/2018 ông T3, bà O1 tiếp tục cho bà L vay 20.000.000đồng. Bà O1 xuất trình cho Tòa án bản chính giấy biên nhận ngày 29/01/2018 và ngày 06/9/2018, trong 02 giấy này thể hiện rõ người cho vay là ông T3, bà O1, người vay là bà L, ngày vay, số tiền vay, thời hạn trả nợ. Bà L thừa nhận có vay của ông T3, bà O1 số tiền 30.000.000đồng vào ngày 29/01/2018 ngoài ra không vay thêm khoản nào nữa và bà L khẳng định vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên sau 05 ngày bà L đã trả cho ông T3, bà O1 nên hiện nay không còn nợ nữa và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O1. Do lời khai của nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn nhau nên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự đến trụ sở Tòa án để tiến hành đối chất nhằm làm rõ nội dung sự việc nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên không tiến hành đối chất được. Ngoài ra, ông T3 đã chết nên không làm rõ được việc bà L đã trả số tiền 30.000.000đồng cho ông T3. Đồng thời, bà L không xuất trình tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do bà L không đến Tòa án làm việc và chỉ thừa nhận vay 30.000.000đồng vào ngày 29/01/2018 và khẳng định không vay thêm khoản tiền nào khác nên bà O1 đã yêu cầu giám định chữ ký chữ viết tên của bà L đối với 02 giấy biên nhận ngày 29/01/2018 và ngày 06/9/2018 tại **Phòng K công an tỉnh L**. Tại Kết luận giám định số 27/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của **Phòng K Công an tỉnh L**, kết luận: “*Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị L dưới mục người vay trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra*”. Tòa án đã công bố nội dung kết luận giám định tại phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ nhưng bà L vắng mặt nên Tòa án đã tổng đạt kết quả phiên họp cho bà L nhưng bà L không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, đối chiếu giữa lời khai của các đương sự với các tài liệu do bà O1 xuất trình thì thấy rằng việc bà L trình bày đã trả 30.000.000đồng cho ông T3, bà O1 và không vay thêm khoản tiền nào ngoài khoản tiền vay ngày 06/9/2018 là không có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O1, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà O1 số tiền gốc là 50.000.000đồng theo giấy biên nhận ngày 29/01/2018 và ngày 06/9/2018.

[4] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà O1 yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho bà tiền lãi theo mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày vay đối với từng khoản vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, bà O1 thay đổi yêu cầu về lãi suất, bà O1 yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho bà O1 tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày bà L vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể:

- Khoản vay 29/01/2018, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày vay, như vậy ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 04/02/2018 tính đến ngày xét xử là hơn 77 tháng nhưng bà O1 tính tròn 77 tháng: $30.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 77\text{ tháng} = 19.173.000\text{đồng}$.

- Khoản vay 06/9/2018, thời hạn vay đến ngày 20/9/2018, như vậy ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 21/9/2018 tính đến ngày xét xử là hơn 69 tháng nhưng bà O1 tính tròn 69 tháng: $20.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 69\text{ tháng} = 11.454.000\text{đồng}$.

Xét thấy, mức lãi suất bà O1 yêu cầu tại phiên tòa là phù với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của bà O1 đối với bà L.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O1 đối với bà L, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà O1 số tiền gốc là 50.000.000đồng, tiền lãi là 30.627.000đồng, tổng cộng là 80.627.000đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà O1 nhận chịu số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.500.000đồng nên ghi nhận, số tiền này bà O1 đã nộp, đã quyết toán xong.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Vì vậy, bà L phải chịu án phí cụ thể như sau: $80.627.000\text{đồng} \times 5\% = 4.031.000\text{đồng}$ (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà **Nguyễn Thị L** phải có trách nhiệm trả cho bà **Trần Thị O** số tiền gốc là 50.000.000đồng, lãi là 30.627.000đồng, tổng cộng là 80.627.000đồng (tám mươi triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Bà **Trần Thị O** tự nguyện nhận chịu 5.500.000đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định, bà **O** đã nộp đủ, đã quyết toán xong.

3. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị L** phải chịu 4.031.000đồng (bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/7/2024), riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Luân

Thạch Thị Lan Nhung

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Như Quỳnh